

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày 12-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Thanh Tâm

Ông Lê Hồng Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST - DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S, trụ sở chính: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (Nay là A N, phường T, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999; Địa chỉ: C P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Nay là 30 P, phường P, thành phố Cần Thơ) (Theo Giấy ủy quyền số 322/2024/UQ-SVN ngày 07/10/2024) (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Vương Thị Trúc L, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ấp N, xã Đ, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2025 cũng như Đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 11/8/2025, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/5/2024, bà Vương Thị Trúc L có đến chi nhánh thành phố S của Công ty cổ phần S có Ngay (sau đây gọi tắt là: Công ty) tại địa chỉ D L, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: STM240502022NA20X được ký giữa các bên ngày 25/5/2024 thì bà Vương Thị Trúc L có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83Z1-027.74, loại xe HONDA Vision, màu đỏ nâu; số khung RLHJF5834LZ487668, số máy JF86E5209529; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003758 do Công an tỉnh S cấp ngày 19/8/2020. Để lấy số tiền 16.117.021 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 25/5/2024 đến ngày 25/5/2025) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Vương Thị Trúc L.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Vương Thị Trúc L mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 25/5/2024 đến 25/6/2024. Bà Vương Thị Trúc L có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "*Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận*".

Quá trình trả nợ, bà Vương Thị Trúc L chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, bà Vương Thị Trúc L không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 11/8/2025, Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ giải quyết: Buộc bà Vương Thị Trúc L phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố STM240502022NA20X được ký giữa các bên ngày 25/5/2024. Cụ thể: Buộc bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền 17.314.572 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm mười bốn ngàn, năm trăm bảy mươi hai) đồng tạm tính đến ngày 12/8/2025, trong đó: Gốc là 14.888.065 (Mười bốn triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng; lãi trong hạn: 1.795.997 (Một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 630.510 (Sáu trăm ba mươi ngàn, năm trăm mười) đồng. Ngoài ra, bà L còn phải chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 13/8/2025 cho đến khi thanh toán nợ xong. Công ty rút lại đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và yêu cầu thanh toán các khoản phí như: Phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh toán trước hạn.

Đối với bị đơn bà Vương Thị Trúc L: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, nhưng bà không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Vương Thị Trúc L thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền vốn lãi tính đến ngày 12/8/2025 là 17.314.572 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm mười bốn ngàn, năm trăm bảy mươi hai) đồng tạm tính đến ngày 12/8/2025, trong đó: Gốc là 14.888.065 (Mười bốn triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng; lãi trong hạn: 1.795.997 (Một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 630.510 (Sáu trăm ba mươi ngàn, năm trăm mười) đồng. Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà L thanh toán các loại phí và yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Vương Thị Trúc L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, Điều 228 và khoản 3 Điều 235; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xử lý 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83Z1-027.74, loại xe HONDA Vision, màu đỏ nâu; số khung RLHJF5834LZ487668, số máy JF86E5209529; Sổ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003758 do Công an tỉnh S cấp ngày 19/8/2020 cho bà Vương Thị Trúc L. Không yêu cầu bà Vương Thị Trúc L thanh toán các khoản phí: Phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh toán trước hạn.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Vương Thị Trúc L thực hiện nghĩa vụ trả nợ với số tiền vốn lãi tính đến ngày 12/8/2025 là 17.314.572 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm mười bốn ngàn, năm trăm bảy mươi hai) đồng tạm tính đến ngày 12/8/2025, trong đó: Gốc là 14.888.065 (Mười bốn triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng; lãi trong hạn: 1.795.997 (Một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 630.510 (Sáu trăm ba mươi ngàn, năm trăm mười) đồng. Xét thấy, việc rút và thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83Z1-027.74, loại xe HONDA Vision, màu đỏ nâu; số khung RLHJF5834LZ487668, số máy JF86E5209529; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003758 do Công an tỉnh S cấp ngày 19/8/2020 cho bà Vương Thị Trúc L; tiền phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán và phí thanh toán trước hạn.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 14.888.065 đồng (Mười bốn triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn có cung cấp Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố (Bút lục B- 26), phía dưới có chữ ký và chữ viết của bà Vương Thị Trúc L. Ngoài ra nguyên đơn còn cung cấp các Phiếu chi có chữ ký nhận tiền của bà Vương Thị Trúc L.

Xét thấy: Hợp đồng cầm cố được xác lập giữa Công ty cổ phần S và bà Vương Thị Trúc L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 116, Điều 117, Điều 309, Điều 310 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật tại thời điểm giao kết. Đồng thời quá trình thụ lý Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bà L biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bà L không có ý kiến phản hồi. Căn cứ vào Điều 92 đây là tình tiết không phải chứng minh, nên Hội đồng xét xử khẳng định bà L đã cầm cố và nhận đủ của phía công ty số tiền gốc là 16.117.021 đồng. Tuy nhiên kể từ khi giao kết đến nay bà L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Việc bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết. Bà L là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bà L hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là 14.888.065 (Mười bốn triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 274 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi:

Theo nội dung Hợp đồng cầm cố tài sản, các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng; Lãi suất quá hạn là: 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, việc các bên thỏa thuận mức lãi suất là phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ – CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay tiền nợ lãi trong hạn: 1.795.997 (Một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 630.510 (Sáu trăm ba mươi ngàn, năm trăm mười) đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý bỏ các khoản phí. Do đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên HĐXX không đặt ra

xem xét.

[4] Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn tiền vốn và lãi 17.314.572 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm mười bốn ngàn, năm trăm bảy mươi hai) đồng tạm tính đến ngày 12/8/2025, trong đó: Gốc là 14.888.065 (Mười bốn triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng; lãi trong hạn: 1.795.997 (Một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 630.510 (Sáu trăm ba mươi ngàn, năm trăm mười) đồng.

[5] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý hoàn trả Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003758 do Công an tỉnh S cấp ngày 19/8/2020 cho bà Vương Thị Trúc L trong trường hợp bà L thanh toán xong các khoản nợ.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Vương Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 865.729 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 238; Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Vương Thị Trúc L có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền 17.314.572 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm mười bốn ngàn, năm trăm bảy mươi hai) đồng tạm tính đến ngày 12/8/2025, trong đó: Gốc là 14.888.065 (Mười bốn triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn, không trăm sáu mươi lăm) đồng; lãi trong hạn: 1.795.997 (Một triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi bảy) đồng; Lãi quá hạn: 630.510 (Sáu trăm ba mươi ngàn, năm trăm mười) đồng và bà L còn phải trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo hợp đồng kể từ ngày 13/8/2025 cho đến khi trả xong số nợ gốc.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc kê biên, phát mãi, xử lý tài sản thế chấp là xử lý 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm

soát 83Z1-027.74, loại xe HONDA Vision, màu đỏ nâu; số khung RLHJF5834LZ487668, số máy JF86E5209529; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 003758 do Công an tỉnh S cấp ngày 19/8/2020 cho bà Vương Thị Trúc L; tiền phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí thanh toán trước hạn.

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Công ty cổ phần S có ngay trong trường hợp bà L thanh toán xong các khoản nợ, thì Công ty cổ phần S sẽ hoàn trả Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho bà Vương Thị Trúc L.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vương Thị Trúc L phải chịu 865.729 (Tám trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm hai mươi chín) đồng.

Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 717.307 (Bảy trăm mười bảy ngàn, ba trăm lẻ bảy) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009337 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ
- Phòng THADS khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà